

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 177/2024/DS-PT  
Ngày 31 tháng 7 năm 2024  
V/v “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế kê biên để thi hành án; Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng tín dụng; yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà; ông Cao Minh Lễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Phạm Trường San – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024, về “*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế kê biên để thi hành án; Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Hợp đồng tín dụng; yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang bị những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 163/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M1 (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1:

- Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang;

- Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972;

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà S: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2022). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ: ông Đặng Văn K – Luật sư Văn phòng luật sư Đặng Văn K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số B, tổ F, đường số A, khóm B, thành phố L, An Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Võ Phi V, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: 1167/7 tổ E, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 20/6/2022). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Phi V: Ông Huỳnh Thảo L – Luật sư V2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: số A, đường T, tổ A, khóm B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Tổ B, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Võ Thị Kim E. (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà E:

+ Ông Văn Hòa H1, sinh năm 1950;

+ Anh Văn Đức C, sinh năm 1974;

+ Anh Văn Đức M2, sinh năm 1978;

+ Anh Văn Đức H2, sinh năm 1981;

+ Chị Văn Ngọc L1, sinh năm 1984;

+ Anh Văn Đức P, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ trụ sở: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện: Ông Đỗ Chí Q, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T.

3.5. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang; địa chỉ cư trú: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Văn Hoàng Anh T1 - chức vụ: Phó Chi cục Trưởng - Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn.

3.6. Quỹ tín dụng nhân dân M4; Địa chỉ trụ sở: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do ông Trương Quốc Đ1, chức vụ: Trưởng phòng tín dụng đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 20/3/2022). (có mặt)

3.7. Ông Trương Văn S1, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

3.8. Ông Lê Hồng T2, sinh năm 1945; địa chỉ cư trú: Xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

3.9. Ông Lê Văn T3, sinh năm 1918 (chết); địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T3:

- Ông Lê Văn M3, sinh năm 1951, địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

- Ông Lê Văn C1, sinh năm 1960, địa chỉ cư trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Bà Lê Thị Mẫu Đ2, sinh năm 1962, địa chỉ cư trú: thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Bà Lê Thị Đ3, sinh năm 1965, địa chỉ cư trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Lê Phong L2, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: tỉnh Bình Phước (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Bà Lê Thị T4, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: xã L, huyện C tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Bà Lê Thị L3, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Ông Lê Văn P1, sinh năm 1975, địa chỉ cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.10. Ông Trương Văn P2, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

3.11. Ông Đặng Minh C2, sinh năm 1939 (chết); địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C2:

- Bà Võ Kim T5, sinh năm 1948; Đặng Tấn S2, sinh năm 1967, cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang;

- Đặng Kim T6, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: chợ T13, tỉnh Đồng Tháp (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Đặng Thái B, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: xã T, huyện T, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Đặng Minh T7, sinh năm 1975; Đặng Thị Thiên K1, sinh năm 1977, cùng địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang;

- Đặng Thị Ngọc B1, sinh năm 1979, địa chỉ cư trú: xã L, huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Đặng Thị Kim Đ4, sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: xã K, huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể);

- Đặng Thị Mỹ D, sinh 1983, địa chỉ cư trú: xã B, huyện C, tỉnh An Giang (không rõ địa chỉ cư trú cụ thể).

3.12. Anh Võ Phi V, sinh năm 1981.

3.13. Anh Võ Phi H3, sinh năm 1992.

3.14. Anh Võ Ngọc L4, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Ngọc L4, anh Võ Phi H3: Võ Phi V, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 05/7/2023).

3.15. Anh Võ Phi L5, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ngày 16/8/1993, ông Nguyễn Văn M1 có nhận “bồi hoàn chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư làm tăng giá trị sử dụng đất và hoa lợi thực tế” quyền sử dụng đất của ông Võ Văn T8, diện tích 32.000m<sup>2</sup> đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện T, An Giang.

Giá nhận chuyển nhượng diện tích đất nói trên là 10 gạ lúa/1000m<sup>2</sup> = 320 gạ (ba trăm hai mươi gạ) đây là phần hoa lợi của riêng ông Võ Văn T8, là chủ mới của diện tích 32.000m<sup>2</sup>.

Thực tế trong diện tích 32.000m<sup>2</sup> do 4 người là chủ cũ trực tiếp canh tác nhưng do UBND xã V thu hồi giao lại cho ông Võ Văn T8 với điều kiện ông Võ

Văn T8 phải bồi hoàn thành quả lao động cho 4 hộ theo qui định Chỉ thị 303 của UBND tỉnh A ban hành. Tại thời điểm đó, ông Võ Văn T8 yêu cầu ông M1 chi tiền bồi hoàn cho 4 hộ trực canh và riêng ông Thới t là 320 giạ lúa, cụ thể 4 hộ kia đã nhận lúa ông M1 giao gồm có: Hộ ông Lê Văn T3, sinh năm 1918, theo biên bản ngày 18/8/1993, có số diện tích là 12.500m<sup>2</sup> nhận số lúa là 187,5 giạ; Hộ ông Đặng Minh C2, sinh năm 1939 theo biên bản ngày 18/8/1993, số diện tích có là 6.700m<sup>2</sup>, nhận số lúa bồi hoàn là 15 giạ/công x 6,7 công = 100,5 giạ; Hộ ông Lê Hồng T2, sinh năm 1945 theo biên bản ngày 24/8/1993, số diện tích có là 7.000m<sup>2</sup>, nhận số lúa bồi hoàn là 15 giạ/công x 7 công = 105 giạ; Hộ ông Trương Văn P2, sinh năm 1972 theo biên bản ngày 17/8/1993 có số diện tích là: 3.500m<sup>2</sup>, nhận số lúa bồi hoàn là 15 giạ/công x 3,5 công = 52,5 giạ. Tổng số lúa tôi đã bồi hoàn cho 5 người là: 765,5 giạ.

Các thủ tục bồi hoàn thành quả lao động nói trên đều có xác nhận của Ban Á và UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Do nhận canh tác trên diện tích ở thời kỳ đầu chưa được đầu tư kênh mương tháo chua rửa phèn, ông M1 đã bị lỗ nhiều năm tới nay còn nợ 80 chỉ vàng 24 kra dùng để đầu tư bồi hoàn thành quả thời kỳ đó. Vì vậy, ông M1 chưa đăng ký QSDĐ do chưa có đủ tiền chi phí nên đất còn mang tên QSDĐ do ông Võ Văn T8 đứng tên theo GCN.QSDĐ số 00791QSDĐ/hH ngày 16/3/1992 với diện tích 32.400m<sup>2</sup> đất 2L. Tuy nhiên từ năm 1991 thì ông M1 đã giao toàn bộ diện tích đất nói trên cho em ruột ông M1 là Nguyễn Văn Đ canh tác giữ đất đến nay.

Ngày 04/3/2013, ông M1 có làm thủ tục đăng ký QSDĐ tại UBND xã A theo biên nhận ghi số 85/BNĐK, nhưng từ đó đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối với diện tích đất nói trên.

Hiện nay ông Võ Văn T, sinh năm 1963 cư trú ấp T, phường M, thành phố L, An Giang, là con của ông Võ Văn T8 (đã chết) tiến hành đăng ký QSDĐ và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận QSDĐ ngày 13/12/2006, số vào sổ H00388rH, thửa đất số 362, tờ bản đồ số: 01, tọa lạc xã A, huyện T, An Giang, diện tích 32,400m<sup>2</sup> (Ba mươi hai ngàn bốn trăm mét vuông), loại đất 2L.

Trong quá trình ông Đ đang canh tác phần đất nói trên thì Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tiến hành kê biên toàn bộ phần đất ông Đ đang canh tác với lý do ông Võ Văn T thiếu nợ không có khả năng trả nên bị khởi kiện đòi tiền vay, ông M1 có liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn thì được nơi đây cung cấp Quyết định số 05/QĐ-TTHADS ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn về việc kê biên toàn bộ diện tích đất nói trên.

Hiện nay ông Nguyễn Văn Đ đã có 18 công đất cho ông Trương Văn S1 canh tác với giá 90 chỉ vàng 24k vàng thị trường. Ông Đ với ông S1 sẽ tự thương lượng.

Nay đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu tranh chấp tài sản đã có quyết định thi hành án số 05/QĐ-THADS ngày 06/11/2020 để kê biên đối với diện tích 32.400m<sup>2</sup>, tại thửa 362, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388rH ngày 13/12/2006 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn T.

Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSĐĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8 diện tích 32.000m<sup>2</sup> và các biên bản bồi thường thành quả lao động đã lập với ông Lê Văn T3, Đặng Minh C2, ông Lê Hồng T2, ông Trương Văn P2. Yêu cầu ông Võ Văn T, bà Võ Thị Kim E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSĐĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8.

Hủy Giấy chứng nhận QSĐĐ số 00791QSĐĐ/hH ngày 16/03/1992 với diện tích 32.400m<sup>2</sup> đất 2L cấp cho ông Võ Văn T8.

Hủy Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên với diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> tại thửa số 362, tờ bản đồ số 01.

Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 32.400m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

*Theo bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa đại diện bị đơn ông Võ Văn T do ông Võ Phi V đại diện trình bày:*

Về nguồn gốc đất, trước đây được nhà nước cấp 60 công để canh tác, ông T8 (cha ông T) có cho ông Đ5 mượn 60 công đất canh tác, nhưng ông Đ5 cho ông M1 mượn 30 công, ông Đ5 canh tác 30 công, khi cho mượn đất canh tác thì ông T8, ông T, ông Đ5, ông M1 (T9) có thỏa thuận là cho mượn canh tác 6 vụ 03 năm, ông M1 hứa tự đóng thành quả lao động cho chủ cũ đến khi hết hợp đồng thì phải trả lại đất. Đến năm 1991, thì ông Đ5 trả lại 30 công đất nhưng ông M1 mượn làm luôn. Các chủ cũ đòi thành quả lao động thì ông M1 xin đóng thành quả lao động để làm thêm 03 năm nữa đến năm 1996. Sau đó ông T được cấp diện tích 27.508m<sup>2</sup>, ông T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 32.4000m<sup>2</sup> vào năm 1992 đất do ông Võ Văn T8 đứng tên, nay đã sang tên cho con là Võ Văn T, do không có điều kiện canh tác nên đã cho ông Trương Văn Đ6 mượn canh tác 60 công. Sau khi ông Đ6 trả đất lại thì cho ông M1 mượn 60 công, khi cho mượn thì không có đưa tiền hay tài sản gì cho ông T8 mà ông M1 chỉ bồi hoàn thành quả lao động cho 4 chủ cũ là lúa. Ông M1 canh tác một thời gian dài nhưng không chịu trả lại đất cho ông T8 nên ông T khởi kiện yêu cầu ông M1 trả lại diện tích đất và tại Bản án số 135/DS-ST ngày 30/10/2000 đã buộc ông M1 phải trả lại diện tích là gần 27.508m<sup>2</sup>, số đất 30 công còn lại lúc đó Tòa án tách ra và nói thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân, do đó thì ông M1 mượn canh tác tiếp cho đến nay không chịu trả, đối với

yêu cầu của nguyên đơn thì ông T không đồng ý vì đất này là cha cho thừa kế hợp pháp. Do ông M1 đã trả thành quả lao động cho chủ cũ trước đây để được canh tác thì ông T tự nguyện hỗ trợ lại 500.000.000đ cho những người thừa kế của ông M1.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân M5, ông T chấp nhận trả số tiền vốn vay 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và lãi suất phát sinh cho Quỹ tín dụng. Yêu cầu ông Đ, ông S1 là người đang quản lý sử dụng đất giao trả lại diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> (thực tế 30.822m<sup>2</sup>) cho Quỹ tín dụng xử lý bán tài sản.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ: Yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 32.400m<sup>2</sup> (thực tế 30.822m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên thì không đồng ý vì đất này thế chấp đúng theo trình tự luật định không vi phạm.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông Nguyễn Văn M1 là anh ruột của ông đã giao diện tích 32.400m<sup>2</sup> (thực tế 30.822m<sup>2</sup>) cho ông Đ quản lý từ năm 1990 đến nay. Do vậy ông có yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa hộ ông Võ Văn T với Quỹ tín dụng nhân dân M5, đối với diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> thuộc thửa số 362, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388rH ngày 13/12/2006, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang, do UBND huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn T. Lý do vì hiện nay đất này ông M1 giao cho ông quản lý từ năm 1990 đến nay, Quỹ tín dụng cho vay không thẩm định tài sản, trong khi ông đang quản lý mà cho ông T vay tiền.

*Theo bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn S1 có lời khai trình bày:*

Ông nhận cổ đất của ông Đ 18 công với giá 90 chỉ vàng 24k vàng thị trường từ năm 2007 và hiện nay vẫn còn canh tác. Khi nào ông Đ trả lại vàng thì ông sẽ trả lại đất. Khi nào cần ông sẽ khởi kiện sau, không yêu cầu tranh chấp trong vụ án này.

*Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Quỹ tín dụng nhân dân M5 đại diện có lời khai trình bày:* Ông Võ Văn T và bà Trần Thị H có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân M5 số tiền 1.000.000.000đ, theo HĐTD số 201060049, khi vay có hợp đồng thế chấp tài sản số 191060022 diện tích 32.400m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên. Thời hạn vay vốn 12 tháng từ ngày 17/3/2020 đến ngày 16/3/2021 đến nay đã quá hạn. Nay buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị H có trách nhiệm trả cho Q1 tín dụng nhân dân Mỹ Hòa số tiền vay 1.000.000.000đ, lãi tính đến ngày 06/12/2023 là 669.945.200đ. Tổng cộng vốn, lãi 1.669.945.200đ. Yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn thì Quý tín dụng không đồng ý.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ, yêu cầu vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 32.400m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup>) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên thì Quý tín dụng không đồng ý vì đất này thế chấp đúng theo trình tự luật định không vi phạm. Quý tín dụng có tiến hành thẩm định tài sản, có đăng ký tài sản bảo đảm khi thế chấp.

*Theo bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn trình bày:* Ông T và bà H phải thi hành án theo Quyết định số 31, 32, 33/QĐ-CCTHADS ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Ngày 12/01/2020 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn ra kế hoạch kê biên, nhưng sau đó dừng kê biên và đã ra quyết định hoãn thi hành án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*Theo bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:* Ông Võ Văn T8 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992 theo chủ trương tại Quyết định số 97/QĐ.UB ngày 16/3/1992 là đúng trình tự thủ tục quy định theo điều 13 của Nghị Định số 30-HĐBT ngày 23/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về thi hành luật đất đai. Do đó, không thống nhất hủy giấy đã cấp cho ông Võ Văn T8.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388Rh thuộc thửa đất số 362, tờ bản đồ 01, diện tích 32.400m<sup>2</sup> cấp cho hộ ông Võ Văn T đứng tên đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 144, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP. Không thống nhất hủy giấy.

Các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến của các đương sự.

\*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M1 người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ về việc:

Yêu cầu tranh chấp tài sản đã có quyết định cưỡng chế kê biên để thi hành án theo Quyết định số 05/QĐ-THADS ngày 06/11/2020 để kê biên đối với diện tích 32.400m<sup>2</sup>, tại thửa 362, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388rH ngày 13/12/2006 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn T.

Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSDĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8 diện tích 32.000m<sup>2</sup> và các biên bản bồi thường thành quả lao động đã lập với ông Lê Văn T3, ông Đặng Minh C2, ông Lê Hồng T2, ông Trương Văn P2. Yêu cầu



ông Võ Văn T, bà Võ Thị Kim E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSĐĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8.

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00791QSĐĐ/hH ngày 16/03/1992 với diện tích 32.400m<sup>2</sup> đất 2L cấp cho ông Võ Văn T8. Hủy Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên với diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> tại thửa số 362, tờ bản đồ số 01.

Yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 32.400m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên. Công nhận cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 17/11/2019 giữa hộ ông Võ Văn T với Quỹ tín dụng nhân dân M5.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng nhân dân M5.

Buộc ông Võ Văn T và bà Trần Thị H phải có trách nhiệm trả cho Q1 tín dụng nhân dân Mỹ Hòa số tiền vốn 1.000.000.000đ, lãi tính đến ngày 06/12/2023 là 669.945.200đ. Tổng cộng vốn, lãi 1.669.945.200đ (*Một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm đồng*). Kể từ ngày 07/12/2023, ông Võ Văn T và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng trên số vốn gốc 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*) cho đến khi thi hành án xong.

Trong trường hợp ông Võ Văn T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 201060049, thì Quỹ tín dụng nhân dân M5 có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là quyền sử dụng đất tại thửa số 362, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở số H00388rH do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 13/12/2006 cho hộ ông Võ Văn T để thu hồi nợ.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ và Trương Văn S1 phải giao trả lại toàn bộ diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup>) tại thửa số 362, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6 theo bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 14/7/2021 của Công ty Đ7, để Quỹ tín dụng nhân dân M5 yêu cầu thi hành án xử lý tài sản theo hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/02/2024, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ

kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo;

- Quỹ tín dụng M5 giữ nguyên yêu cầu độc lập;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Vi phạm thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện, tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người được thi hành án gồm: Nguyễn Thị L6, Nguyễn Việt Q2, Huỳnh Văn T10, Trần Thị V1, Huỳnh Thị T11 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Về nội dung vụ án:

+ Đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (bồi hoàn thành quả lao động) giữa ông M1 với ông T8, xét thấy: Ngày 16/3/1992 ông T8 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nhận lại đất theo tinh thần quyết định 303 dính qua phần đất của 04 chủ H4, T3, C2, L7 đã bồi hoàn xong). Đến ngày 16/8/1993 (DL), ông M1 bồi hoàn cho ông T8 320 gia lúa, để nhận chuyển nhượng 32.000m<sup>2</sup> đất của ông T8. Biên bản có xác nhận của Ban nhân dân tự quản và Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi ông M1 bồi hoàn thì nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T8 và quản lý, sử dụng đất đến nay, đã đầu tư công sức cải tạo đất, canh tác trên mảnh đất và đóng thuế đầy đủ; ông T8 khi còn sống cũng không có tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc bồi hoàn thành quả lao động sau thời điểm ông T8 được cấp giấy nên không có cơ sở chấp nhận là chưa đủ cơ sở vững chắc và cũng không xem xét phần ông M1 bồi hoàn cho ông T8 320 gia lúa làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông M1.

Ngoài ra, Tờ giao kèo ngày 10/5/1989 là ông Đ6 thừa nhận mượn 60 công đất của ông T8 và ông T; không phải ông M1 thừa nhận. Biên bản về việc nhận thành quả lao động ngày 14/4/1998 thì ông M1 cũng chỉ thừa nhận có 28 công đất của ông T (đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật năm 2000), không thừa nhận mượn đất của ông T8. Mặt khác, tính pháp lý của biên bản đó cũng cần phải xem xét lại do biên bản lập tại Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, có nhiều nét chữ khác nhau, thành phần tham gia không có ông Đ6

nhưng vẫn có ý kiến của ông Đ6; dưới phân kết luận chỉ có chữ ký, không thể hiện tên người ghi biên bản, đến ngày 11/5/1998 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V mới ký xác nhận duyệt y là không đảm bảo.

+ Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T: Trong hồ sơ thể hiện, sau khi ông T8 chết. Ngày 29/5/2006 ông T làm đơn xin cấp bản nhì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T8, lý do giấy bị thất lạc, nhưng thực tế ông M1 đang giữ bản chính là có hành vi gian dối; Đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất lý do xin đổi tên quyền sử dụng đất là Võ Văn T do cha là Võ Văn T8 chết. Ông T không cung cấp bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế của ông T8, vì thời điểm năm 2006 bà T12 (mẹ ông T - chết năm 2012) và bà Kim E (em ông T - chết năm 2018) còn sống. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện T vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ ông Võ Văn T ngày 13/12/2006 (bản nhì thay thế giấy của ông T8 ngày 16/03/1992) là không đúng quy định.

+ Đối với yêu cầu tuyên hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất vô hiệu: Về phía quỹ tín dụng Mỹ Hòa khi ký hợp đồng thế chấp tài sản cho vay tiền, không tiến hành thẩm định tài sản thế chấp theo đúng quy định. Tại thời điểm ông T thế chấp quyền sử dụng đất thì diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> đang do ông Đ và ông S3 quản lý, nhưng quỹ tín dụng Mỹ Hòa không đi thẩm định mà vẫn nhận thế chấp là không đúng quy định. Chính vì vậy, Quỹ tín dụng không xác định được diện tích đất thế chấp là của ai. Ai là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Do không thực hiện đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của quỹ tín dụng Mỹ Hòa được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản của ông Võ Văn T để thi hành án là chưa có cơ sở vững chắc.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1. Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX), căn cứ khoản 3 Điều 308 của BLTTDS năm 2015, phúc xử: chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1 là Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ. Hủy Bản án dân sự 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Xem xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, HĐXX xét thấy:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tranh chấp tài sản đã có quyết định thi hành án số 05/QĐ-THADS ngày 06/11/2020 để kê biên đối với diện tích 32.400m<sup>2</sup>, tại thửa 362, tờ bản đồ số 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00388rH ngày 13/12/2006 do UBND huyện T cấp cho hộ ông Võ Văn T.

Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSĐĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8 diện tích 32.000m<sup>2</sup> và các biên bản bồi thường thành quả lao động đã lập với ông Lê Văn T3, Đặng Minh C2, ông Lê Hồng T2, ông Trương Văn P2. Yêu cầu ông Võ Văn T, bà Võ Thị Kim E tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng bán thành quả lao động (QSĐĐ) lập ngày 16/8/1993 giữa ông Nguyễn Văn M1 với ông Võ Văn T8.

Hủy Giấy chứng nhận QSĐĐ số 00791QSĐĐ/hH ngày 16/03/1992 với diện tích 32.400m<sup>2</sup> đất 2L cấp cho ông Võ Văn T8.

Hủy Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên với diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> tại thửa số 362, tờ bản đồ số 01.

Hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 32.400m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận QSĐĐ số H00388rH ngày 13/12/2006 do hộ ông Võ Văn T đứng tên.

Công nhận cho bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ được quyền sử dụng đất đo đạc thực tế 30.822m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã A, huyện T, tỉnh An Giang.

Về tố tụng: Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế thi hành án, nhưng cấp sơ thẩm lại không đưa những người được thi hành án gồm các ông, bà: Nguyễn Thị L6, Nguyễn Việt Q2, Huỳnh Văn T10, Trần Thị V1, Huỳnh Thị T11 vào tham gia tố tụng là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Về nội dung: Theo hồ sơ thể hiện, vào năm 1993 giữa ông M1 và ông T8 có thỏa thuận, ông M1 bồi hoàn thành quả lao động cho ông T8 để nhận diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> để canh tác theo các biên bản được lập vào ngày 16/8/1993, 24/8/1993, 18/8/1993 với giá 320 gia lúa. Tại thời điểm này Luật đất đai không quy định người sử dụng đất được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng thông qua hình thức bồi hoàn thành quả lao động, nhưng cấp sơ thẩm lại cho rằng việc bồi hoàn thành quả lao động không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, để từ đó bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có cơ sở vững chắc. Việc ông T8 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/3/1992 và sau đó các bên lập biên bản bồi hoàn thành quả lao động cho nhau là hoàn toàn phù hợp. Mặt khác, cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án cũng không xem xét đến số lúa 320 gia mà ông M1 đã bồi hoàn thành quả lao động cho ông T8, phần diện tích đất này đã được ông M1 cùng em ông là ông Đ canh tác từ năm 1993 cho đến nay, cấp sơ thẩm cũng không xem xét quá trình công sức cải tạo đất cho phía ông M1 là thiệt thòi quyền lợi của phía nguyên đơn.

Ngoài ra, Tờ giao kèo ngày 10/5/1989 là ông Đ6 thừa nhận mượn 60 công đất của ông T8 và ông T; không phải ông M1 thừa nhận. Biên bản về việc nhận thành quả lao động ngày 14/4/1998 thì ông M1 cũng chỉ thừa nhận có 28 công đất của ông T (đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật năm 2000), không thừa nhận mượn đất của ông T8. Mặt khác, tính pháp lý của biên bản đó cũng cần phải xem xét lại do biên bản lập tại Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, có nhiều nét chữ khác nhau, thành phần tham gia không có ông Đ6 nhưng vẫn có ý kiến của ông Đ6; dưới phần kết luận chỉ có chữ ký, không thể hiện tên người ghi biên bản, đến ngày 11/5/1998 Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V mới ký xác nhận duyệt y là không đảm bảo, nhưng cấp sơ thẩm cho đây là chứng cứ để giải quyết vụ án là chưa có cơ sở.

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T:

Trong hồ sơ thể hiện, sau khi ông T8 chết. Ngày 29/5/2006 ông T làm đơn xin cấp bản nhì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T8, lý do giấy bị thất lạc, nhưng thực tế ông M1 đang giữ bản chính là có hành vi gian dối; Đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất lý do xin đổi tên quyền sử dụng đất là Võ Văn T do cha là Võ Văn T8 chết. Ông T không cung cấp bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế của ông T8, vì thời điểm năm 2006 bà T12 (mẹ ông T - chết năm 2012) và bà Kim E (em ông T - chết năm 2018) còn sống. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện T vẫn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Hộ ông Võ Văn T ngày 13/12/2006 (bản nhì thay thế giấy của ông T8 ngày 16/03/1992) là không đúng quy định.

Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông T với Quỹ tín dụng M5: Về phía Quỹ tín dụng Mỹ Hòa khi ký hợp đồng thế chấp tài sản cho vay tiền, không tiến hành thẩm định tài sản thế chấp theo đúng quy định. Tại thời điểm ông T thế chấp quyền sử dụng đất thì diện tích đất 32.400m<sup>2</sup> đang do ông Đ và ông S3 quản lý, nhưng Quỹ tín dụng M5 không đi thẩm định mà vẫn

nhận thế chấp là không đúng quy định. Chính vì vậy, Quỹ tín dụng không xác định được diện tích đất thế chấp là của ai. Ai là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng. Do không thực hiện đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của Quỹ tín dụng Mỹ Hòa được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản của ông Võ Văn T để thi hành án là chưa có cơ sở vững chắc.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và chưa thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn Đ là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1. Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ. Hủy Bản án dân sự 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Nhận thấy, quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ được chấp nhận, nên các ông, bà không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn M1 là bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ;

- Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho các ông, bà Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị S và Nguyễn Văn Đ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0013594 ngày 07/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Đương sự;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tấn Tài**